

Số: 88/2024/QĐST-VDS

Mai Sơn, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 139/2024/VDS-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, phân chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Tòng Thị Y, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện tại: Bản F, xã F, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Lò Văn Quang, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Anh Lò Văn Q và chị Tòng Thị Y kết hôn với nhau từ năm 2013 do cả hai cùng tự nguyện, không bên nào bị ai ép buộc. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Mai Sơn, vào ngày 20/3/2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có những bất đồng không thể thống nhất được về những vấn đề trong cuộc sống gia đình và kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm rạn nứt. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thành. Do đó, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Tại phiên hòa giải, chị Y và anh Q xác định mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể quay lại chung sống, giữ nguyên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy hai bên

thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nH và gia đình năm 2014, cần chấp nhận.

[2] Về con chung trong thời kỳ hôn nH: Anh chị có 02 con chung là cháu Lò Minh N2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lò Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2015. Anh chị thống nhất anh Lò Văn Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Lò Văn Q cam đoan đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nên anh chị thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, hai cháu đều có nguyện vọng ở cùng với anh Q khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện kinh tế của các bên và nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Y và anh Q thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Chị Y và anh Q thống nhất xác nhận không có nợ chung vợ chồng.

[5] Về lệ phí tòa án: Chị Tòng Thị Y tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Xét thấy: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn **ngày 23 tháng 5 năm 2024** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
    - Về quan hệ hôn nH: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lò Văn Q và chị Tòng Thị Y.
    - Về con chung: Anh Lò Văn Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Minh N2, sinh ngày 23/7/2012 và cháu Lò Thị Ngọc H, sinh ngày 11/9/2015 đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Anh Lò Văn Q cam đoan đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nên anh chị thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.
- Sau khi ly hôn, chị Y được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.
- **Về tài sản chung vợ chồng:** Chị Y và anh Q thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.
  - **Về nợ chung vợ chồng:** Chị Y và anh Q thống nhất xác nhận không có nợ chung vợ chồng.
  - Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Tòng Thị Y nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn là 300.000VND (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số **0001341 ngày** 15 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nH dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nH dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã N, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Tráng A Tánh**